

Số: 1081/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 28 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác tháng 11 và kế hoạch công tác tháng 12 năm 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi như: giá lúa, rau màu các loại ổn định ở mức cao, nông dân sản xuất có lợi nhuận khá; diện tích xuống giống lúa Thu Đông, hao màu cao hơn cùng kỳ và vượt chỉ tiêu kế hoạch, năng suất lúa đầu vụ cao hơn cùng kỳ và cao hơn kế hoạch; các loại dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi như cúm gia cầm, lở mồm long móng gia súc, viêm da nổi cục trên trâu, bò, đại chố mèo được kiểm soát tốt; thủy sản nuôi thiệt hại rải rác nhưng ở mức thấp và giảm hơn so cùng kỳ. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như giá tôm nguyên liệu không tăng, duy trì ở mức thấp, giá phân bón tăng nhẹ gây ảnh hưởng đến tâm lý người sản xuất; giá heo hơi không tăng, bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện khả năng sẽ ảnh hưởng đến việc tái đàn và ảnh hưởng đến tình hình phát triển chăn nuôi của tỉnh. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, cụ thể như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân 02 Nghị quyết⁽¹⁾; tiếp tục thực hiện quy trình xây dựng 02 Nghị quyết⁽²⁾.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 11 Quyết định⁽³⁾; đang trình 02 Kế hoạch⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Nghị quyết thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021- 2025.

⁽²⁾ Sửa đổi Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND về Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 (hoàn chỉnh hồ sơ trình UBNDTTQ phản biện); nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025 (UBND tỉnh chuyển Sở Tư pháp - chưa có phản hồi).

⁽³⁾ Số 1747 /QĐ-UBND ngày 15/11/2023 về việc quyết định giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và tái định cư chợ Sóc Ruộng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; số 3158/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 công nhận kết quả đánh giá, cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao năm 2023 (đợt 2); số 1737/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai, cấp bách khu vực thị Trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần; số 1725/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 quyết định đơn giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường nối Quốc lộ 60- Quốc lộ 54 huyện Tiểu Cần; số 1739/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 sửa đổi bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định 2063/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh; số 1708/QĐ-UBND ngày

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

Diện tích gieo trồng trong tháng 4.484 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng được 256.090 ha, vượt 0,82% kế hoạch (tăng 2,33% so cùng kỳ, tương đương tăng 5.827 ha), cụ thể:

- Cây lúa: Gieo sạ 220 ha (vụ Thu Đông), thu hoạch 13.178 ha (vụ Hè Thu và Thu Đông). Lũy kế đến nay gieo sạ 203.364 ha, vượt 0,96% kế hoạch (tăng 2,17% so cùng kỳ, tương đương tăng 4.320 ha; thu hoạch 138.876 ha, chiếm 68,29% diện tích xuống giống, ước sản lượng 772,31 ngàn tấn (tăng 31,03 ngàn tấn), năng suất trung bình 5,6 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,05 tấn/ha, cụ thể:

+ Thu hoạch dứt điểm vụ mùa, Đông Xuân và Hè Thu 131.590 ha, đạt 99,99% diện tích xuống giống, sản lượng 737,67 ngàn tấn (thấp hơn cùng kỳ 7.758 tấn). *Vụ Hè Thu mất trắng 19 ha (do mưa liên tục khi lúa mới xuống giống làm thiệt hại 19 ha lúa tại ấp 12 xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải).*

+ Vụ Thu Đông: Xuống giống 220 ha, lũy kế xuống giống dứt điểm 71.754 ha, vượt 5,12% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.092 ha. Thu hoạch 7.286 ha, chiếm 10,15% diện tích xuống giống; năng suất trung bình 5,36 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 1,77 tấn/ha), diện tích lúa còn lại đang phát triển tốt.

+ Vụ mùa 2023-2024: Đến nay xuống giống 1.007 ha, gồm: Châu Thành 310 ha, Cầu Ngang 101 ha, Trà Cú 598 ha (thấp hơn cùng kỳ 135 ha).

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.264 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 52.726 ha, vượt 0,27% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.506 ha, gồm: Màu lương thực 6.098 ha, màu thực phẩm 29.864 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 16.764 ha.

* *Tình hình thiệt hại do mưa to, dông đêm ngày 09/11 và sáng ngày 10/11/2023:* Qua báo cáo nhanh từ Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Thành: Ngập khoảng 13.000 chạu hoa phục vụ Tết nguyên đán, 5,9 ha màu; 125,5 ha lúa xã Long Đức, thành phố Trà Vinh và xã Song Lộc, huyện Châu Thành (22,5 ha lúa chín chuẩn bị thu hoạch của xã Song Lộc, huyện Châu Thành). Tại thành phố Trà Vinh chính quyền địa phương đã vận động người dân tự khắc phục (khai thông cống, rãnh thoát nước); tại huyện Châu

09/11/2023 quyết định đơn giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nạo vét 18 kênh thủy lợi phục vụ sản xuất 'hạng mục Cống Ba Rọ, xã Long Hữu'; số 1707/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 quyết định đơn giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường hành lang ven biển phát triển khu du lịch biển Ba Động; số 1703/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 về việc công bố tình huống khẩn cấp sạt lở bờ sông Cần Chông, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần; số 1697/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 quyết định đơn giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng hồ chứa nước ngọt dọc sông Láng Thê đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện cang Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1); số 1671/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 phê duyệt tiếp nhận Dự án "Nước sạch và vệ sinh xã định An, huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh" do Tổ chức Nouvelle Planète (Hành Tinh Mới - Thụy Sĩ) tài trợ; số 1572/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 quyết định đơn giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng bãi rác xã Long Hiệp.

(4) Điều chỉnh kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2023; phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2024.

Thành Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp xí nghiệp Thủy nông và UBND xã Song Lộc khảo sát, vận hành mở cống thoát nước để hạn chế thiệt hại.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân bón phân cân đối để cây lúa khỏe, hạn chế đổ ngã để cho năng suất cao nhất; tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh, khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng, kịp thời phát hiện và phòng, trị các loại sâu bệnh gây hại, hướng dẫn chăm sóc đến giai đoạn an toàn; theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh trên cây ăn trái và rau màu các loại; kết hợp địa phương thông báo, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng ngay sau khi thu hoạch lúa Thu Đông, chuẩn bị xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024 theo lịch thời vụ tại Thông báo số 655/TB-SNN-BVTV ngày 31/10/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Tiếp tục kiểm tra, đánh giá, giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, đến nay được Cục Bảo vệ thực vật duy trì và cấp mới 24 mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu, diện tích 1.526,74 ha; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận cấp 05 mã số, lũy kế đến nay 50 mã số vùng trồng trong nước, diện tích 3.233 ha. Thẩm định, cấp mới và cấp lại 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lũy kế đến nay cấp mới và cấp lại 54 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (phân bón 21, thuốc BVTV 33).

b) Chăn nuôi, thú y

Tình hình chăn nuôi tương đối thuận lợi, giá heo hơi giao động lên, xuống khoảng 50.000-52.000 đồng/kg, giá thức ăn chăn nuôi giảm 500 đồng/kg, người chăn nuôi có lãi. Tuy nhiên, tình hình chăn nuôi nhỏ lẻ không phát triển, chủ yếu tập trung phát triển tại các cơ sở chăn nuôi có điều kiện, quy mô từ trung bình đến lớn, chủ động được con giống; giá bò hơi, gia cầm ổn định tiêu thụ tốt.

Theo Thông báo số 2139/TB-TYV7-TH ngày 14/11/2023 của Chi cục Thú y vùng 7, bệnh dịch tả heo Châu Phi phát sinh ở 01 hộ chăn nuôi, tại ấp Trà Kháo, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tổng đàn 14 con (4 nái, 10 thịt), ngày phát bệnh 09/11/2023. Ngành đã chỉ đạo tiêu hủy số heo bị bệnh và thực hiện các biện pháp dập dịch theo quy định. Các loại dịch bệnh nguy hiểm khác tiếp tục được kiểm soát. Tính từ đầu năm đến nay, bệnh DTHCP đã xảy ra tại 11 ấp, 10 xã, 05 huyện, thị xã (thị xã Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú, Cầu Kè và Châu Thành); heo nghi, mắc bệnh 286 con, tổng đàn 411 con, của 11 hộ; tiêu hủy 388 con (23 con còn lại hộ chăn nuôi đã tự tiêu hủy và bán trước đó), trọng lượng 16.017 kg.

Vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 307,5 ngàn con, LMLM gia súc 10,18 ngàn con, Viêm da nổi cục trên trâu, bò 5,07 ngàn liều, Đại chó mèo 1,8 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 93,34 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 359,09 ngàn liều. Nâng đến nay đã tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm 2,95 triệu con (đạt 49,46% kế hoạch), LMLM 173,12 ngàn con (đạt 51,76% kế hoạch, riêng đàn bò đạt 69,57% kế hoạch), Viêm da nổi cục 117,41 ngàn con (đạt 63,826% kế hoạch); Đại chó mèo 34,62 ngàn liều (đạt 32,39% kế hoạch), DTHCP 1,4 con; các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 634,5 ngàn liều (đạt 91,84% kế hoạch) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 4,82 triệu liều.

Kiểm dịch 5.677 con heo; 2.706 con bò, hơn 17 ngàn con gia cầm; 56,72 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 201 triệu con giống thủy sản. Nâng tổng số đến nay kiểm dịch 111.710 con heo (giảm 155.143 con so cùng kỳ); 26.415 con bò (tăng 12.395 con), 1,59 triệu con gia cầm (giảm 121,48 ngàn con); 493,32 tấn sản phẩm động vật (tăng 130,4 tấn) và kiểm dịch 1,46 tỷ con tôm giống (tăng 75,15 triệu con).

c) Lâm nghiệp

Tổ chức 20 cuộc tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp, nghiệm thu công tác khoán bảo vệ rừng; tổ chức 74 lượt tuần tra bảo vệ rừng, cấp 12 bảng kê xuất bán động vật hoang dã. Nâng tổng số đến nay trồng mới 50 ha rừng (39,5 ha rừng Đước đôi và 10 ha rừng Bần chua, 0,5 ha phi lao), chăm sóc 116 ha rừng, đạt 100%, khoán bảo vệ rừng 3.348,74 ha (đạt 95,95% kế hoạch); tổ chức 28 cuộc tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp, với 834 người dự; tổ chức 899 lượt tuần tra bảo vệ rừng phát hiện 06 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khắc phục lại hậu quả; cấp 10 mã số gây nuôi động vật hoang dã; 66 bảng kê xuất bán động vật hoang dã.

Thẩm định hồ sơ thiết kế và dự toán thi công trồng rừng thuộc Dự án Đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2025; trình phê duyệt trồng rừng thay thế của Dự án Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2) và Dự án Xây dựng Công viên xã Trường Long Hòa; Triển khai thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023 và năm 2024; tổ chức khảo sát khu vực trồng rừng năm 2024 bằng nguồn vốn xã hội hóa.

* **Thiệt hại rừng:** Do triều cường kết hợp sóng lớn làm sạt lở 17,39 ha rừng (Bần chua) của xã Long Hòa, huyện Châu Thành 17,39 ha. Tính chung từ đầu năm đến nay diện tích rừng bị sạt lở 31,046 ha (xã Đông Hải, huyện Duyên Hải 9,36 ha; xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải 4,2 ha; xã Trường Long Hòa thị xã Duyên 0,096 ha; xã Long Hòa, huyện Châu Thành 17,39 ha).

d) Thủy sản: Tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, thực hiện tốt công tác giám sát và chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, từng bước cơ cấu lại con nuôi. Sản lượng thu hoạch 15.334 tấn. Nâng đến nay thu hoạch 219.670 tấn (sản lượng nuôi 174.430 tấn, sản lượng khai thác 45.240 tấn), đạt 89,83% kế hoạch, tăng 11.251 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 544 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 1.270 ha; thu hoạch 10.603 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 7,16 tỷ con tôm, cá giống các loại, diện tích 60.248 ha, vượt 15,64%; thu hoạch 174.430 tấn (tăng 14.521 tấn so cùng kỳ), đạt 96,8% kế hoạch (tôm sú 13.123 tấn, tôm thẻ chân trắng 75.059 tấn, cua 5.431 tấn, cá lóc 53.914 tấn, cá tra 11.607 tấn, tôm càng xanh 2.103 tấn, cá các loại 9.501 tấn) trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 453 triệu con giống, diện tích 1.003 ha, thu hoạch 5.420 tấn. Nâng đến nay thả nuôi thả nuôi 7,036 tỷ con giống, diện tích 55.273 ha, cụ thể: Thả nuôi 1,56 tỷ con tôm sú giống, diện tích 24.384 ha; 5,34 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 7.250 ha (thâm canh mật độ cao 2,1 tỷ con, diện tích 1.073,64 ha); cua biển 165 triệu con giống, diện tích 23.106 ha; thu hoạch

97.305 tấn (cao hơn cùng kỳ 10.655 tấn), đạt 99,29% kế hoạch. Tuy nhiên, do môi trường ao nuôi không ổn định, tạo điều kiện cho mầm bệnh phát sinh gây thiệt hại 137,7 triệu con tôm sú (chiếm 8,9% lượng con giống thả nuôi), diện tích 763,3 ha; 700,45 triệu con tôm thẻ (chiếm 13,18% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.161 ha, tôm chết ở giai đoạn từ 25 - 50 ngày tuổi, đa số có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 67,63 triệu con tôm, cá giống các loại với diện tích 267 ha, thu hoạch 5.183 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 407,95 triệu con tôm, cá giống các loại với diện tích 4.975 ha. Thu hoạch 77.125 tấn (cao hơn cùng kỳ 3.866 tấn), đạt 93,83% kế hoạch.

* Đăng ký nuôi các đối tượng chủ lực (tôm): Có 40 hộ nuôi (diện tích 34,09 ha; 100 ao) trên địa bàn huyện Duyên Hải đăng ký nuôi đối tượng chủ lực và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi. Tính chung từ năm 2021 đến nay, có 127 hộ (55,83 ha, 242 ao) nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng đăng ký nuôi và đã được cấp giấy xác nhận (Cầu Ngang 75 hộ, 16,37 ha, 99 ao; Duyên Hải 40 hộ, 33,43 ha, 85 ao; Thị xã Duyên Hải 11 hộ, 5,75 ha, 52 ao; Châu Thành 01 hộ, 0,31 ha, 06 ao).

- Khai thác: Toàn tỉnh có 880 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 115.367 KW, tổng dung tích 16.529 TĐK (tấn đăng ký), trong đó, tàu có chiều dài từ 15 m trở lên 275 tàu; có chiều dài từ 12 m đến dưới 15 m là 272 tàu; có chiều dài dưới 12 là 333 tàu; phối hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được đạt 100% kế hoạch; cấp 11 giấy phép khai thác thủy sản, từ đầu năm đến nay cấp 142 giấy phép khai thác thủy sản; Tính chung từ năm 2017 đến nay cấp 861 giấy phép khai thác thủy sản theo Luật Thủy sản 2017 (*cấp mới 646 giấy, cấp lại 215 giấy*). Ước sản lượng khai thác 4.731 tấn; trong đó, khai thác nội đồng 776 tấn, khai thác hải sản 3.964 tấn. Nâng đến nay sản lượng khai thác 45.240 tấn (4.075 tấn tôm), đạt 70,3% kế hoạch (*giảm 3.270 tấn so cùng kỳ*), trong đó, khai thác nội đồng 6.576 tấn (624 tấn tôm), khai thác hải sản 38.664 tấn (3.451 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long thu mua 276 tấn tôm (09 tấn tôm sú, 267 tấn tôm thẻ), chế biến 896 tấn, tiêu thụ 257 tấn, kim ngạch xuất khẩu 3,11 triệu USD. Nâng tổng số đến nay doanh nghiệp thu mua 3.021 tấn tôm (122 tấn tôm sú, 2.827 tấn tôm thẻ), chế biến 5.720 tấn, tiêu thụ 2.852 tấn, kim ngạch xuất khẩu 35,88 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn

* *Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM)*: Tiếp tục phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương tổ chức tuyên truyền sâu, rộng trong nhân dân về xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; tiếp và làm việc với Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh về giám sát kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2023; tiếp và làm việc với Văn phòng Điều phối NTM Trung ương tổ chức khảo sát, kiểm tra, đánh giá thực tế tại tỉnh Trà Vinh về bảo vệ môi trường và quy hoạch

nông thôn; xây dựng kế hoạch kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023 trên địa bàn huyện Càng Long và Châu Thành.

- Xã nông thôn mới: Đến nay duy trì có 85/85 xã đạt chuẩn NTM, đạt 100% số xã. Các xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020 đang rà soát và nâng chất theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

- Xã nông thôn mới nâng cao: Tính đến nay, toàn tỉnh có 38 xã đạt NTM nâng cao. Năm 2023, có 10 xã đăng ký và 03 phần đầu đạt NTM nâng cao, đến nay có 01 xã đạt 18/19 tiêu chí, 02 xã đạt 17 tiêu chí, 02 xã đạt 16 tiêu chí, 02 xã đạt 15 tiêu chí, 04 xã đạt 14 tiêu chí, 02 xã đạt 13 tiêu chí. Hiện các xã đang tập trung thực hiện các tiêu chí chưa đạt.

- Xã NTM kiểu mẫu: Toàn tỉnh có 03 xã NTM kiểu mẫu: Xã Long Đức, An Phú Tân, An Trường. Văn phòng điều phối nhận được hồ sơ đề nghị công nhận xã NTM kiểu mẫu của xã Thạnh Phú (chưa thẩm định).

- Huyện Nông thôn mới: Hiện nay toàn tỉnh có 08/9 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Huyện Trà Cú đạt 9/9 tiêu chí, đang chuẩn bị hồ sơ trình UBND tỉnh trình Trung ương thẩm định.

- Huyện nông thôn mới nâng cao: Huyện Cầu Kè, Tiểu Cần đạt 9/9 tiêu chí. Địa phương đang hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh trình Trung ương xem xét công nhận (ngày 17/11 huyện sẽ hoàn chỉnh hồ sơ gửi Văn phòng điều phối).

** Chương trình OCOP, ngành nghề nông thôn:*

- Tiếp tục triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023; triển khai thực hiện gói thầu lắp đặt 05 Pano tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường làng nghề năm 2023 trên địa bàn các huyện Trà Cú, Tiểu Cần và Càng Long; chuẩn bị in tờ rơi tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường làng nghề năm 2023; tổ chức 02 cuộc kiểm tra giám sát, trên địa bàn 13 làng nghề, kết quả không phát hiện làng nghề gây ô nhiễm môi trường.

- Trong tháng công nhận 25 sản phẩm OCOP, từ đầu năm đến nay công nhận và tái công nhận 55 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP. Tính chung đến nay, trên địa bàn tỉnh có 239 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP (gồm 06 sản phẩm tiềm năng 5 sao; 03 sản phẩm 5 sao, 38 sản phẩm 4 sao; 192 sản phẩm 3 sao).

Phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố hỗ trợ thủ tục, hồ sơ thực hiện Chính sách hỗ trợ Chương trình OCOP năm 2023; tổng hợp báo cáo tiến độ triển khai hỗ trợ cơ sở OCOP năm 2023; tiếp tục triển khai, các chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia chương trình OCOP; hoàn chỉnh hồ sơ in tem cho sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên và tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; tổ chức tham gia xúc tiến thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ; tham dự chấm điểm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của huyện; tổng hợp hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm

OCOP năm 2023 do cấp huyện gửi về (lần 1) và tổ chức họp chấm điểm sản phẩm OCOP. Tổ chức 22 lớp tập huấn chương trình OCOP cho các cơ sở, doanh nghiệp tham gia nắm rõ về chương trình OCOP. Tiếp tục phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tiểu Cần hỗ trợ, theo dõi tiến độ triển khai Dự án chuỗi giá trị Mật Hoa dừa.

* *Kinh tế hợp tác*: Tổ chức 07 lớp tập huấn củng cố hoạt động HTX với 295 người dự; xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất. Lập danh sách đăng ký 04 học viên (Giám đốc, chủ tịch HĐQT) tham gia khóa học nâng cao năng lực hoạt động của HTX nông nghiệp do trường Chính sách công và Phát triển nông thôn tổ chức. Tổng hợp ý kiến đề xuất sửa đổi Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Triển khai thực hiện Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của UBND tỉnh, về Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

* *Bố trí dân cư*: Xây dựng chính sách hỗ trợ hộ dân Chương trình bố trí dân cư; triển khai thực hiện dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú và Dự án di dân sạt lở cấp bách khu vực Cồn Nhàn xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

* *Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*: Tiếp tục thực hiện Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (do Bộ Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư): đang thiết kế bản vẽ thi công; dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang: thẩm định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong tháng lắp đặt đồng hồ nước cho 412 514 hộ. Nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 175.199 hộ sử dụng nước máy. Tiếp tục thực hiện các quy trình chuyển Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành công ty cổ phần.

4. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành công tiêu thoát nước phục vụ sản xuất lúa vụ Thu Đông và trồng rau màu; chuyển bản tin dự báo nguồn nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ chỉ đạo sản xuất và điều hành cấp nước mùa kiệt năm 2022 - 2023 đến các đơn vị liên quan. Tham mưu theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2026; đồng thời triển khai Công điện số 06/CĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ động triển khai các biện pháp ứng phó với các tác động của hiện tượng El Niño trên địa bàn tỉnh.

Tham gia nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng 06 công trình: Nạo vét 05 kênh cấp II, xã Thanh Mỹ, Mỹ Chánh; nạo vét 07 kênh cấp II, xã Tập Ngãi; thay cửa số 6 cống Cái Hóp; sửa chữa cửa, thay khung cửa số 1, số 2 cống Cồn Chông; thay mới cầu thang các cống: Cái Hóp, Láng Thè, Điệp Thạch, Cồn

Chông, Vinh Kim, Bến Chùa, Thâu Râu; thay mới cửa, sửa chữa hệ thống cầu trục công Rạch Cầu Kinh; sửa chữa cống Hiệp Hòa; gói thầu số 25 thi công xây dựng công trình Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất.

Tham gia nghiệm thu hoàn thành hạng mục 03 kênh thuộc công trình nạo vét 06 kênh cấp II, xã Lương Hòa, Lương Hòa A.

Tổ chức 19 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện 03 trường hợp vi phạm đến hành lang an toàn đê, kè, các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng đến nay tổ chức 211 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện 40 trường hợp vi phạm đến hành lang an toàn đê, kè, các trường hợp vi phạm chủ yếu xây dựng nhà, chuồng bò, đơn vị chuyên môn kết hợp với chính quyền địa phương lập biên bản xử lý theo quy định. Tổ chức 25 lớp tập huấn, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho với 729 người dự nhằm nâng cao ý thức phòng, tránh thiên tai cho các hộ dân thường xuyên bị ảnh hưởng.

b) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 11 dự án, gồm: 01 công trình lâm nghiệp, 05 công trình đê kè; 02 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, 02 công trình phục vụ thủy sản, 01 công trình di dân. Giải ngân đến 13/11/2023 là 150,72 tỷ đồng, đạt 64,47% kế hoạch vốn 2023.

5. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Hướng dẫn, tiếp nhận 05 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP 36 cơ sở (15 cơ sở loại A, 16 cơ sở loại B, 05 cơ sở tạm ngưng hoạt động); cấp 07 giấy Chứng nhận đủ điều kiện ATTP; thu 29 mẫu nông sản thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP. Nâng đến nay hướng dẫn, tiếp nhận 90 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 187 cơ sở (58 cơ sở loại A, 111 cơ sở loại B, 08 cơ sở xin tạm ngưng hoạt động, 10 cơ sở xin ngưng hoạt động); cấp 76 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (28 cấp mới, 48 cấp lại); kiểm tra, giám sát và thu mẫu phân tích chữ đường tại Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh, kết quả Công ty thực hiện đúng quy định về công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng mía nguyên liệu QCVN 01-98/2012/BNNPTNT. Thu 274 mẫu nông sản, thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; tổ chức 75 lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, có 3.329 người dự; phối hợp Trung tâm chất lượng Nông lâm thủy sản vùng tổ chức 06 lớp tập huấn “Chương trình quản lý chất lượng thực phẩm theo HACCP”, có 30 người dự; thông báo 08 bản tin kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình Trà Vinh; hướng dẫn các tiêu chí xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và cấp 03 giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho 03 cơ sở (cơ sở Tiến Hải, HTX Bưởi da xanh Hùng Hòa, Công ty TNHH Green Farm Trà Vinh).

Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.769 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.585 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 191,85 triệu đồng; thực hiện IUU tại Cảng cá Đinh An tổ chức thu nhận nhật ký khai thác hải sản 348 giấy cho tàu cá. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 16.146 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 13.425 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 1.5 triệu đồng; thực hiện IUU tại Cảng cá Đinh An tổ chức thu nhận nhật ký khai thác hải sản 2.693 giấy cho tàu cá; Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Đinh An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 249 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá (trong đó 236 tàu có chiều dài từ 15 mét đến dưới 24 mét, 13 tàu có chiều dài từ 24 mét trở lên), đạt 100% số tàu khai thác xa bờ.

Thanh tra, kiểm tra 02 cơ sở kinh doanh phân bón, 06 lượt phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 01 công ty cổ phần hóa chất và phân bón; 03 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, 26 phương tiện tàu cá, 01 cơ sở đóng tàu cá; thu 08 mẫu hàng hóa các loại phân tích kiểm tra chất lượng; phát hiện và xử lý 07 trường hợp theo qui định. Nâng tổng số đến nay thanh tra, kiểm tra 27 hộ giết mổ gia súc (heo), 126 quầy mua bán thịt heo; 07 lượt cơ sở giết mổ gia súc tập trung; 58 lượt phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 123 cơ sở kinh doanh thực phẩm; 76 cơ sở kinh doanh phân bón; 56 cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; 02 công ty kinh doanh thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường; 01 công ty cổ phần hóa chất và phân bón; 01 hợp tác xã Nông nghiệp; 07 cơ sở kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp; 06 công ty sản xuất và kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp; 06 cơ sở kinh doanh giống lúa; 67 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; 16 hộ dân trồng sầu riêng; 01 cơ sở thu mua sầu riêng; 01 cơ sở đóng tàu cá, 652 phương tiện tàu cá; thu 264 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 87 trường hợp vi phạm theo đúng qui định.

b) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông: Phối hợp tổ chức 03 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản cho 90 lượt người dự; thực hiện 10 cuộc tọa đàm; cấp phát 210 tờ bướm các loại. Nâng đến nay tổ chức 114 lớp tập huấn kỹ thuật (37 lớp trồng trọt, 39 lớp chăn nuôi, 38 lớp thủy sản) cho 1.140 lượt nông dân dự; cấp phát 3.662 tờ bướm về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 02 phóng sự về “nuôi ốc bươu đen thương phẩm” và 01 “quản lý đàn vật nuôi trong điều kiện khô, hạn”; 22 cuộc tọa đàm (12 cuộc tọa đàm lưu động); tổ chức 01 chuyên tham quan học tập kinh nghiệm tại tỉnh Cà Mau; tổ chức đưa nông dân đi tham gia Hội thi người nuôi tôm giỏi vùng ĐBSCL tại tỉnh Bạc Liêu; phối hợp với địa phương tiếp tục thực hiện theo dõi 11 mô hình trình diễn thuộc mô hình thực nghiệm giống cây, con mới, Chương trình Khuyến nông Quốc gia và các dự án kết hợp. Phối hợp đơn vị tư vấn thẩm định giá trị kho lạnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá trị tài sản để hình

thành tài sản Nhà nước phục vụ xây dựng đề án hoạt động, vận hành kho lạnh thông minh và đề án liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong việc vận hành kho lạnh thông minh. Hoàn chỉnh kế hoạch khuyến nông năm 2024; đăng ký đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ 02 cấp tỉnh, 01 cấp cơ sở; rà soát, tổng hợp các quy trình và ban hành các quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cần bổ sung năm 2024 và các năm tiếp theo.

Công tác giống:

+ Giống cây trồng: vụ Thu Đông xuống giống 7,3 ha đang trong giai đoạn trổ, chín, phát triển tốt; chăm sóc vườn cây giống, cam sành không hạt S₁, cây S₀ quýt đường phát triển tốt. Tính từ đầu năm đến nay ươm 5.050 trái dứa giống, chiết 5.505 nhánh chanh; cung ứng 1.210 kg bưởi thương phẩm, 7.226 trái dứa và 6.758 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Xuất bán 330 ngàn con post tôm càng xanh toàn đực; thu hoạch 5,5 tấn tôm thẻ thương phẩm. Nâng tổng số đến nay, xuất bán 12,59 con post tôm càng xanh toàn đực, 02 triệu con post tôm sú; thu hoạch 25,55 tấn tôm thẻ thương phẩm.

+ Chăn nuôi: Thả nuôi 30 con heo thịt thương phẩm (trọng lượng khoảng kg); nuôi vỗ béo 05 con bò thịt, đang phát triển tốt.

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Giá tôm nguyên liệu không tăng so với tháng trước, giá cá lóc giảm mạnh và thấp hơn giá thành ít nhất khoảng 4.000 đồng/kg; giá dứa khô và một số loại trái cây giảm, nhiều nhất là cam sành giảm còn 3.500 đồng/kg, thấp hơn giá thành khoảng 4.500 đồng/kg, gây khó khăn cho người sản xuất.

Tỷ lệ tiêm phòng cho đàn vật nuôi một số bệnh nguy hiểm đạt thấp, chưa bảo hộ được cho đàn vật nuôi. Bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện, giá heo hơi tăng nhẹ so với tháng trước, tuy nhiên hiệu quả chăn nuôi chưa cao.

Ngư trường ngày càng giảm dẫn đến sản lượng khai thác thủy sản giảm so với cùng kỳ.

Giá lúa, hoa màu ở mức cao, tuy nhiên một số loại phân bón tiếp tục tăng nhẹ, làm tăng chi phí sản xuất, hiệu quả sản xuất giảm.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm, mới đạt gần 65% kế hoạch vốn phân bổ.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 12

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành:

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành: Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021- 2025; sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-

2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh trên các loại cây trồng, đặc biệt hướng dẫn nông dân chăm sóc cây lúa đến giai đoạn an toàn, chú ý nhất là bệnh đạo ôn hại lúa, lem lép hạt; kết hợp địa phương tuyên truyền, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng, tập trung xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023 - 2024 đồng loạt theo khung lịch thời vụ tại Thông báo số 655/TB-SNN-BVTV ngày 31/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; triển khai thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 tại Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 25/8/2023 và Kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn mùa khô năm 2023-2024 tại Kế hoạch số 1016/KH-SNN ngày 10/11/2023. Kết hợp Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi vận hành công, điều tiết nước phục vụ điều tiết nước phục vụ sản xuất và dân sinh. Tiếp tục khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021; hỗ trợ các HTX xây dựng dự án liên kết sản xuất, đồng thời tiếp tục mời gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết, tiêu thụ sản phẩm trên các loại cây trồng.

Kết hợp địa phương triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2024, nhất là các loại cây màu phục vụ Tết Nguyên đán, quan tâm phát triển diện tích màu theo hướng hữu cơ, an toàn, công nghệ cao; khuyến khích nông dân chuyển sang trồng màu ở những nơi không đủ điều kiện sản xuất lúa vụ Đông Xuân.

2. Chăn nuôi và thú y

Kết hợp địa phương xử lý, bao vây, không chế ổ dịch tại xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, không để lây lan sang các hộ chăn nuôi khác. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2023; giám sát tình hình dịch bệnh và tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là bệnh Cúm gia cầm, LMLM gia súc, Đại chó, mèo; phối hợp với địa phương tăng cường vận động tuyên truyền các hộ chăn nuôi tập trung, chủ động tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm để bảo hộ đàn vật nuôi nhất là trong thời điểm giao mùa; giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi để chủ động thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt các giải pháp chăn nuôi an toàn sinh học đặc biệt lựa chọn con giống sạch bệnh.

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về công tác giống, quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh thức ăn, thuốc thú y và dịch vụ thú y, kịp thời ngăn chặn và xử lý tình trạng sử dụng kháng sinh cấm và các chất tăng trọng để tạo ra sản phẩm an toàn; tăng cường kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh; hỗ trợ địa phương trong việc xây dựng lò giết mổ gia súc tập trung (lò giết mổ bò).

Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống; phát triển chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, an

toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

3. Thủy sản

Tuyên truyền, vận động nông dân cải tạo ao, hồ, chuẩn bị tốt nhất mọi điều kiện để thả nuôi các đối tượng thủy sản theo lịch thời vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản trên địa bàn tỉnh mùa vụ năm 2023-2024 theo lịch thời vụ thả nuôi tại Công văn số 4743/UBND-NN ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý tốt vùng nuôi hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vật tư đầu vào phục vụ nuôi thủy sản, tình hình kinh doanh, vận chuyển con giống thủy sản nhằm hạn chế tình trạng hàng hóa, con giống kém chất lượng; thực hiện thanh tra, kiểm tra liên ngành (theo phân cấp) và những tác động của sản xuất đến môi trường để có những giải pháp khắc phục kịp thời. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo trên Đài Phát thanh – Truyền hình để người dân quản lý ao nuôi; tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến người nuôi việc thực hiện đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực làm cơ sở cấp mã vùng nuôi, thực hiện các giải pháp ứng phó với dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản. Phối hợp các cơ quan chức năng và địa phương xử lý các tàu cá bốc dỡ hàng hóa không theo quy định. Tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần. Giảm khai thác thủy sản nội đồng, vùng cửa sông và hải sản gần bờ nhằm tái tạo lại nguồn lợi thủy sản.

4. Lâm nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch trồng, chăm sóc rừng năm 2023. Tiếp tục thực hiện kế hoạch trồng, chăm sóc rừng và giao khoán bảo vệ rừng năm 2023, kế hoạch thực hiện chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2023, 2024; tiếp tục đôn đốc thực hiện Kế hoạch 84/KH-UBND ngày 20/9/2021 về trồng rừng, trồng cây xanh phân tán trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; thực hiện Chỉ thị số 4/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh; thường xuyên tuần tra, kiểm tra rừng, xử lý nghiêm các vụ vi phạm không để tồn đọng.

Tiếp tục tuyên truyền, vận động thường xuyên người dân nâng cao ý thức trong công tác phòng cháy rừng, nhắc nhở các hộ nhận khoán bảo vệ rừng thường xuyên công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng đã nhận khoán; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ thực hiện công tác giao đất, giao rừng. Hoàn chỉnh phương án phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2024.

5. Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu tổ triển khai thực hiện tốt kế hoạch xây dựng NTM năm 2023; hỗ trợ hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương công nhận huyện NTM, NTM nâng cao; kiểm tra tiến độ thực hiện xã

nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu theo kế hoạch đăng ký và phân đầu. Tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023 theo kế hoạch

Ngành nghề nông thôn và Chương trình OCOP: Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ thuộc lĩnh vực phát triển làng nghề, ngành nghề, giảm nghèo; tiếp tục phối hợp với UBND huyện Tiều Cẩn thực hiện Dự án chuỗi giá trị tại Mật Hoa dứa; tiếp tục phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố đẩy nhanh tiến độ triển khai các nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia chương trình OCOP năm 2023; tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023; phối hợp vào các đơn vị in Tem sản phẩm OCOP và Tem truy xuất nguồn gốc; rà soát đăng ký xây dựng Câu chuyện sản phẩm OCOP; tổng hợp bảng điểm, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP Hội đồng cấp tỉnh.

Kinh tế hợp tác: Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; tiếp tục hỗ trợ, nâng chất các THT, HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục thực hiện Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình; Rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân.

6. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương xây dựng và hoàn chỉnh kế hoạch thủy lợi nội đồng năm 2024; kết hợp chỉ đạo, tuyên truyền trực vớt lục bình để khơi thông dòng chảy, tích trữ nước ngọt phục vụ mùa khô năm 2023-2024; theo dõi sát tình hình xâm nhập mặn, công tác phòng chống hạn mặn của địa phương, kịp thời tham mưu các biện pháp chỉ đạo bảo vệ sản xuất. Thực hiện hoàn thành các công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều; thường xuyên kiểm tra các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra; triển khai kế hoạch phòng chống hạn, hạn xâm nhập mặn mùa khô 2023-2024.

Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, đê kè phục vụ sản xuất, dân sinh, phân đầu giải ngân 100% nguồn vốn được phân bổ. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm công ích thủy lợi năm 2023.

7. Công tác chuyên môn

Tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và trực tiếp tư vấn kỹ thuật sản xuất cho người dân; tiếp tục triển khai và theo dõi các mô hình khuyến nông thuộc các nguồn vốn sự nghiệp, Khuyến nông Quốc gia và dự án; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh

thực hiện các phóng sự, tọa đàm, chuyên mục và bản tin thời sự về công tác khuyến nông.

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an toàn thực phẩm và hỗ trợ Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện và phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn để người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh nắm; thông tin kịp thời kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình; thực hiện Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ và Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, các hộ kinh doanh gỗ và các lâm sản khác, kết hợp thu các mẫu sản phẩm, hàng hóa để phân tích, kiểm tra chất lượng; tăng cường công tác phối hợp với Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Y Tế, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra chuyên ngành.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 11 và kế hoạch công tác tháng 12 năm 2023 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng



**ƯỚC TÍNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 11, 11 THÁNG NĂM 2023**

(Ước tính đến ngày 15/11/2023)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 11	Ước TH 11 tháng	11 tháng so cùng kỳ	11 tháng so kế hoạch
A	TRỒNG TRỌT							
	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	250.264	254.014	4.484	256.090	102,33	100,82
	Tổng sản lượng	tấn	1.991.215	2.492.465	159.910	1.901.646	95,50	76,30
	Cây lương thực có hạt							
	Cây lúa	Ha	202.664	205.129	693	207.180	102,23	101,00
1.	Sản lượng	tấn	199.044	201.429	220	203.364	102,17	100,96
	Vụ mùa							
	- Diện tích xuống giống	Ha	1.090	1.142		1.142	104,79	100,00
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.090	1.142		1.142	104,79	100,00
	- Năng suất	Tạ/ha	47,78	44,21		44,21	92,53	100,00
	- Sản lượng	tấn	5.206	5.048		5.048	96,97	100,00
	Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	ha	63.326	62.059		62.059	98,00	100,00
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63.311	62.059		62.059	98,02	100,00
	- Năng suất	Tạ/ha	64,99	61,08		61,02	93,89	99,90
	- Sản lượng	tấn	411.482	379.085		378.708	92,04	99,90
	Hè Thu							
	- Diện tích xuống giống	Ha	69.967	69.970		68.409	97,77	97,77
	- Diện tích thu hoạch	Ha	69.967	69.970		68.390	97,75	97,74
	- Năng suất	Tạ/ha	46,98	51,00		51,10	108,77	100,20
	- Sản lượng	tấn	328.721	356.816		349.502	106,32	97,95
	Thu Đông							
	- Diện tích xuống giống	Ha	64.662	68.258	220	71.754	110,97	105,12
	- Diện tích thu hoạch	Ha	79	68.258	7.286	7.286		10,67
	- Năng suất	Tạ/ha	35,90	51,62	53,60	53,60	149,31	103,83
	- Sản lượng	tấn	284	352.364	39.053	39.053		11,08
	Vụ mùa 2023-2024							
	- Diện tích xuống giống	Ha	1.142		20	1.007	88,18	
	- Diện tích thu hoạch	Ha						
	- Năng suất	Tạ/ha						
	- Sản lượng	tấn						
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	51.220	52.585	4.264	52.726	102,94	100,27
	Diện tích thu hoạch	Ha	46.150	52.585	5.349	44.553	96,54	84,73
	Sản lượng thu hoạch	tấn	1.245.523	1.399.152	120.857	1.129.335	90,67	80,72
a	Màu lương thực	Ha	5.800	5.970	668	6.098	105,14	102,15
	Cây bắp							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.620,0	3.700	473,0	3.816,2	105,42	103,14
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.159,3	3.700	518,6	3.218,00	101,86	86,97
	+ Năng suất	Tạ/ha	56,50	55,50	53,90	54,50	96,46	98,20
	+ Sản lượng	Tấn	17.850	20.535	2.795	17.538	98,25	85,41
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.250,00	1.300	182,20	1.394,60	111,57	107,28
	+ Diện tích thu hoạch	"	994,21	1.300	191,97	1.012,44	101,83	77,88
	+ Năng suất	Tạ/ha	171,20	168,90	174,10	178,63	104,34	105,76
	+ Sản lượng	Tấn	17.021	21.957	3.342	17.670	103,81	80,48
	Khoai mì							

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 11	Ước TH 11 tháng	11 tháng so cùng kỳ	11 tháng so kế hoạch
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	550,0	570	-	551,80	100,33	96,81
	+ Diện tích thu hoạch	"	471,56	570	122,33	478,13	101,39	83,88
	+ Năng suất	Tạ/ha	186,40	192,11	164,50	186,8	100,21	97,24
	+ Sản lượng	Tấn	8.790	10.950	2.012	8.931	101,61	81,57
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	380,0	400	13,00	335,70	88,34	83,93
	+ Diện tích thu hoạch	"	311,22	400	93,95	297,32	95,53	74,33
	+ Năng suất	Tạ/ha	164,40	174,38	167,40	177,40	107,91	101,73
	+ Sản lượng	Tấn	5.116	6.975	1.573	5.274	103,09	75,62
b	Cây thực phẩm	Ha	31.088	32.575	1.501	29.864	96,06	91,68
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	30.618,3	32.100	1.495,9	29.386,86	95,98	91,55
	+ Diện tích thu hoạch	"	27.678,62	32.100	2.936,73	26.388,2	95,34	82,21
	+ Năng suất	Tạ/ha	219,70	226,10	226,9	227,80	103,69	100,75
	+ Sản lượng	Tấn	608.099	725.781	66.634	601.123	98,85	82,82
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	470,0	475	5,49	477,49	101,59	100,52
	+ Diện tích thu hoạch	"	433,89	475	122,05	457,32	105,40	96,28
	+ Năng suất	Tạ/ha	19,80	21,05	20,3	20,93	105,71	99,42
	+ Sản lượng	Tấn	859	1.000	248	957	111,42	95,72
c	Cây công nghiệp hàng năm		14.332	14.040	2.094	16.764	116,97	119,40
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.300,0	4.420	64,7	4.266,70	99,23	96,53
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.087,65	4.420	300,45	3.978,6	97,33	90,01
	+ Năng suất	Tạ/ha	51,20	52,40	53,86	51,03	99,67	97,39
	+ Sản lượng	Tấn	20.929	23.161	1.618	20.304	97,01	87,66
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.350,0	1.300	23,6	1.434,30	106,24	110,33
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.192,12	1.300	65,0	1.297,5	108,84	99,80
	+ Năng suất	Tạ/ha	973,5	978,20	969,70	996,30	102,34	101,85
	+ Sản lượng	Tấn	116.053	127.166	6.304	129.265	111,38	101,65
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.500,0	2.570	181	2.510,20	100,41	97,67
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.289,47	2.570	560,0	2.293,5	100,18	89,24
	+ Năng suất	Tạ/ha	124,8	118,20	122,1	119,7	95,94	101,30
	+ Sản lượng	Tấn	28.573	30.377	6.838	27.460	96,11	90,40
	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	ha	6.181,75	5.750	1.825,0	8.552,30	138,35	148,74
	+ Diện tích thu hoạch	ha	5.532,40	5.750	437,4	5.132,4	92,77	89,26
	+ Sản lượng	Tấn	422.233	431.250	29.492	300.812	71,24	69,75
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	80	50		50	62,50	100,00
	- Chăm sóc rừng	Ha	310	116		116	37,42	100,00
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3.435	3.490		3.348,74	97,49	95,95
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	58.987	52.100	1.270	60.248	102,14	115,64
1.1	Nuôi nước ngọt	"	4.643	3.500	267	4.975	107,15	142,14
	- Diện tích nuôi cá	"	2.635,5	2.000	214	2.436	92,42	121,79
	Trong đó: + Cá tra	"	19,4	50	5,8	29,9	154,23	59,84
	+ Cá lóc	"	493,2	480	27,6	515,9	104,59	107,47
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	2.007,4	1.500	52,8	2.539,3	126,50	169,28
	Trong đó: tôm càng xanh	"	2.007,4	1.500	52,8	2.539,3	126,50	169,28
	- Diện tích nuôi khác	"						

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 11	Ước TH 11 tháng	11 tháng so cùng kỳ	11 tháng so kế hoạch
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	54.344	48.600	1.003	55.273	101,71	113,73
	- Diện tích nuôi cá	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	54.117,0	47.800	1.003,1	54.740,9	101,15	114,52
	Trong đó: + Tôm sú	"	22.699,4	19.500	323,9	24.384,3	107,42	125,05
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	8.122,3	8.300	198,9	7.250,3	89,26	87,35
	+ Cua biển	"	23.295,3	20.000	480,3	23.106,3	99,19	115,53
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	226,7	800		531,7	234,61	66,47
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	208.419	244.550	15.334	219.670	105,40	89,83
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	159.910	180.200	10.603	174.430	109,08	96,80
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	73.260	82.200	5.183	77.125	105,28	93,83
	- Sản lượng cá	"	71.475,5	80.000	5.161,7	75.022,3	104,96	93,78
	Trong đó: + Cá tra	"	9.043,0	7.000	160,5	11.607,5	128,36	165,82
	+ Cá lóc	"	50.403,2	55.500	4.082,8	53.914,3	106,97	97,14
	- Sản lượng giáp xác	"	1.784,1	2.200	21,4	2.103,1	117,87	95,59
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.784,1	2.200	21,4	2.103,1	117,87	95,59
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	86.650	98.000	5.420	97.305	112,30	99,29
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	83.453	95.000	5.207	93.613	112,17	98,54
	Trong đó: + Tôm sú	"	12.782	13.300	523,1	13.122,9	102,67	98,67
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	64.931	75.500	3.954,9	75.059,1	115,60	99,42
	+ Nuôi cua biển	"	5.740	6.200	729,0	5.431,0	94,61	87,60
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	3.197	3.000	213,0	3.692,0	115,48	123,07
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	48.510	64.350	4.731	45.240	93,26	70,30
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	41.914	57.500	3.964	38.664	92,25	67,24
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	22.877	29.500	2.340	22.315	97,54	75,64
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	4.637	5.500	273	3.451	74,43	62,74
	+ SL hải sản khác khai thác	"	14.400	22.500	1.351	12.898	89,57	57,33
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	6.596	6.850	767	6.576	99,70	96,00
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.523	1.800	47	1.452	95,31	80,66
	- Tôm các loại	"	420	550	34	624	148,53	113,53
	- Thủy sản khác	"	4.652	4.500	686	4.500	96,72	99,99
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	21.876		178	21.241	97	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.733		68	1.437	83	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	22.699,40		324	24.384	107	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	692		37	763	110	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.508,86		35	1.551	103	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	199,25		10	138	69	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	13,2		27,41	8,88	67	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	19.208		679	17.511	91	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3.126		155	2.708	87	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	8.122,28		178	7.250	89	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.285		119	1.161	90	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	5.720		169	5.315	93	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	927		52	700	76	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	16,2		30,71	13,18	81	